

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ  
và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số  
điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét các đề nghị của Trung tâm Y tế huyện Phú Vang tại Công văn số  
1717/TTYT-KSNK ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi  
trường của Cơ sở Trung tâm Y tế huyện Phú Vang; Công văn số 2253/TTYT-KSNK  
ngày 13 tháng 9 năm 2024 về việc giải trình các nội dung bổ sung, chỉnh sửa  
trong Báo cáo đề xuất cấp GPMT cơ sở “Trung tâm Y tế huyện Phú Vang”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số  
394/TTr-STNMT-MT ngày 19 tháng 9 năm 2024;

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Trung tâm Y tế huyện Phú Vang, địa chỉ văn phòng:  
thị trấn Phú Đa, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế được thực hiện các hoạt  
động bảo vệ môi trường của cơ sở “Trung tâm Y tế huyện Phú Vang” với các nội  
dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của Cơ sở:**

1.1. Tên cơ sở: Trung tâm Y tế huyện Phú Vang.

1.2. Địa điểm hoạt động: thị trấn Phú Đa, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa  
Thiên Huế.

1.3. Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 0326/TTH-GPHĐ ngày  
21/11/2023 của Sở Y tế UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc cấp phép hoạt động  
khám bệnh, chữa bệnh cho Trung tâm Y tế huyện Phú Vang.

1.4. Mã số thuế 3300371177

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích: 24.874 m<sup>2</sup>

- Quy mô giường bệnh và khám chữa bệnh: Trung tâm Y tế có quy mô 250 giường bệnh.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trung tâm Y tế huyện Phú Vang có trách nhiệm:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép là 10 năm kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Y tế huyện Phú Vang;
- UBND huyện Phú Vang;
- UBND thị trấn Phú Đa;
- Cổng Thông tin điện tử UBND tỉnh;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, CT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phan Quý Phương**



Stt	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn (QCVN 28:2010/BTNMT Giá trị Cmax, Cột A, K=1,2)	Tần suất quan trắc	Quan trắc tự động, liên tục
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	36	thuộc đối tượng quan trắc	thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục
3	COD	mg/l	60		
4	TSS	mg/l	60		
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12		
10	Tổng coliforms	MPN/100mL	3000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		
14	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	KPH		
15	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	KPH		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và thoát nước thải

**1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:**

#### 1.1.1. Công trình thu gom nước thải tại cơ sở

- Nước thải từ các bồn xí, bồn tiêu được thu gom bằng đường ống uPVC Ø90 - Ø125 dài khoảng 55m đến bể tự hoại, nước sau bể tự hoại nhập vào đường ống PVC D90, đến đường ống PVC D200 đưa nước thải đến hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ hoạt động ăn uống, tắm rửa, căn tin,... được tách rác sơ bộ sau đó theo đường ống uPVC D50 dài khoảng 120 m nhập vào đường ống PVC D90, đến đường ống PVC D200 đưa nước thải đến hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh được tách rác sơ bộ sau đó theo đường ống uPVC  $\varnothing 50$  dài khoảng 100 m nhập vào đường ống thu gom nước thải đến hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ khu giặt là được thu gom bằng đường ống uPVC  $\varnothing 110$  khoảng 20m đến hố ga sau đó nhập vào đường ống PVC D90, đến đường ống PVC D200 đưa nước thải đến hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ quá trình rửa tay sát khuẩn, vệ sinh sàn tại kho chất thải nguy hại tại kho chất thải nguy hại được thu gom bằng ống nhựa uPVC D50 chiều dài khoảng 23m đó nhập vào đường ống PVC D90, đến đường ống PVC D200 đưa nước thải đến hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

Đường ống PVC D90 dài khoảng 85m, đường ống PVC D200 dài khoảng 290m.

### 1.1.2. Mạng lưới thoát nước thải, điểm xả nước thải sau xử lý

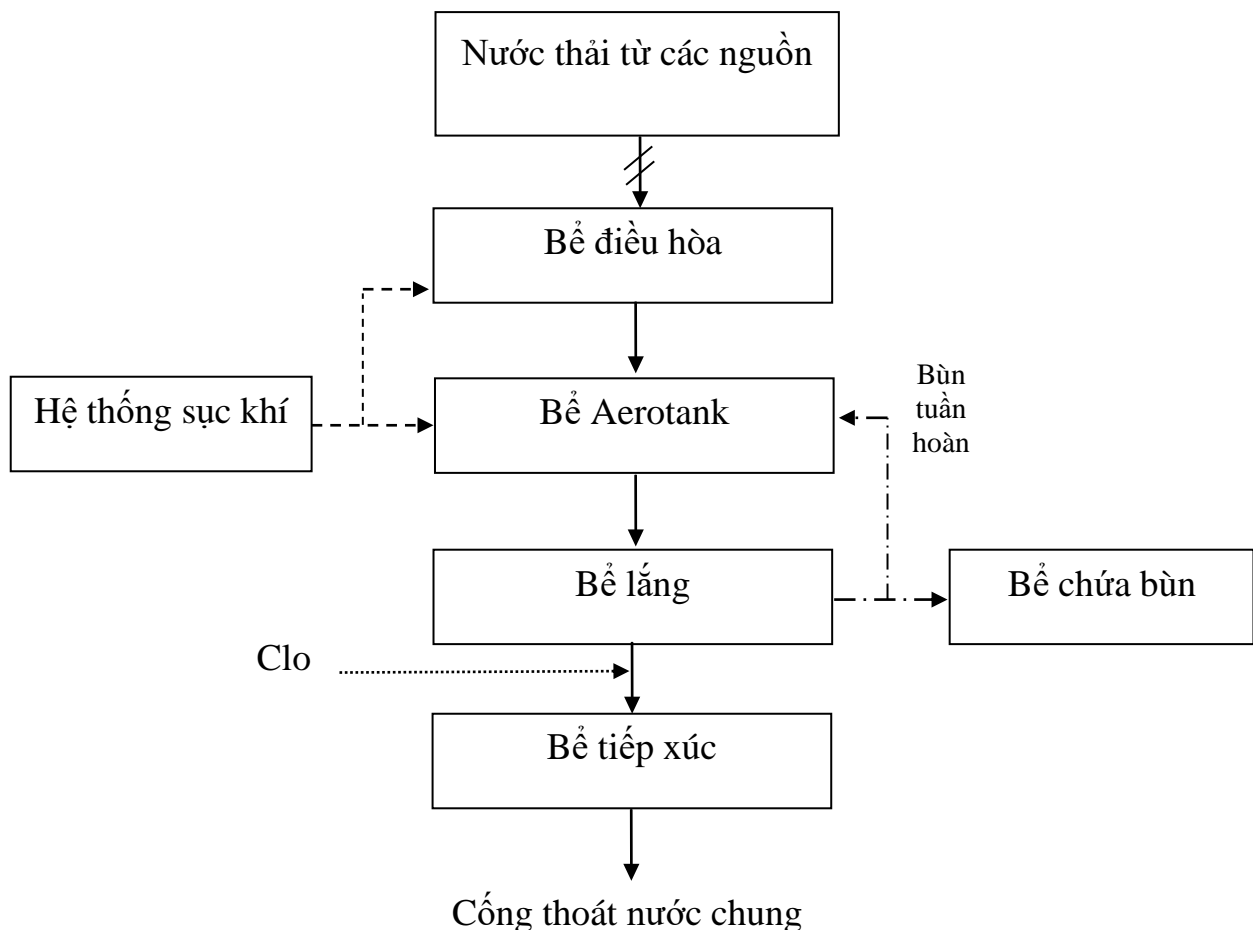
Nước thải sau xử lý được dẫn bằng ống nhựa PVC D200 dài 17m đi ngầm dưới đất dẫn nước thải sau xử lý ra hố ga thoát nước trên tuyến đường đường Phú Thạnh nằm tiếp giáp với hàng rào của Trung tâm sau đó đổ ra sông Đại Giang - đoạn qua khu vực cầu Phú Thứ, thị trấn Phú Đa, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Công suất xử lý: 55 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải



- Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (giá trị  $C_{max}$ , cột A,  $K=1,2$ ; đối với các thông số pH, tổng coliforms, Salmonella, Shigella và Vibrio cholera sử dụng hệ số  $K=1$ ) trước khi thải ra công thoát nước chung của thị trấn Phú Đa tại đường Phú Thạnh sau đó đổ ra sông Đại Giang.

- Kích thước các bể xử lý:

TT	Tên bể, thiết bị	Kích thước L×W×H (m)	Thể tích (m <sup>3</sup> )
1	Bể điều hòa	5,98 × 2,90 × 2,00	34,68
2	Bể Aerotank	2,70 × 2,50 × 2,00	13,50
3	Bể lắng	3,00 × 2,00 × 3,00	18,00
4	Bể khử trùng	3,00 × 2,00 × 3,00	18,00
5	Bể chứa bùn	2,50x1,50x1,00	3,75

- Danh mục máy móc thiết bị:

Stt	Mô tả	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Song chắn rác	Chế tạo theo thiết kế; Vật liệu Inox SUS304; Khe hở song: 10-30mm	Cái	01
2	Hộp phân phối lưu lượng	Chế tạo theo thiết kế; Vật liệu Inox SUS304	Cái	01
3	Hệ thống sục khí bể điều hòa	Theo thiết kế; Vật liệu Inox SUS304	Hệ	01
4	Modul thiết bị Chế tạo bằng phương pháp đúc áp lực, bên trong lắp đặt đầy đủ các thiết bị bơm, điều khiển, đệm vi sinh chuyên dụng... tất cả trang bị cho một đơn nguyên xử lý nước thải đầy đủ. Công suất 150m <sup>3</sup> /ng.đ	Nhập khẩu; sử dụng công nghệ vi sinh cao tải lên đến 20.000 gVSV/m <sup>3</sup> nước thải; vật liệu chế tạo Composit	Modul	03
5	Máy thổi khí đặt trong nhà điều hành	Nhập khẩu	Cái	03
6	Hệ thống cấp điện cho hệ thống xử lý	Bao gồm cáp điện, tủ điện ...	Hệ thống	01
7	Máy thổi khí AAO	Công suất 2,2 KW	Cái	02
8	Máy sục khí	Công suất 1,5 KW	Cái	01
9	Bơm điều hòa	Công suất 0,75 KW	Cái	02

- Hóa chất, chế phẩm vi sinh trong xử lý nước thải

Stt	Tên hóa chất, chế phẩm vi sinh	Công đoạn xử lý có sử dụng	Đơn vị	Khối lượng
1	Chlorine	Khử trùng	kg/năm	110
2	Men vi sinh	Bể Aeroten	l/năm	10

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:** Cơ sở không thuộc trường hợp phải vận hành thử nghiệm.

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

## Phụ lục 2

### BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 47/GPMT-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

##### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng và hệ thống xử lý nước thải.

##### 2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung có tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 107°, múi chiếu 3° như sau:

Stt	Vị trí	Tọa độ (Hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 107°, múi chiếu 3°)	
		X(m)	Y(m)
1	Khu vực máy phát điện dự phòng	1.818.883,54	575.429,77
2	Khu vực hệ thống xử lý nước thải	1.819.034,06	575.531,35

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

##### 3.1. Tiếng ồn:

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

Giá trị giới hạn theo QCVN đối với tiếng ồn như sau:

Stt	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	55	45	Khu vực đặc biệt

##### 3.2. Độ rung:

Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Giá trị giới hạn theo QCVN đối với độ rung như sau:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)	
1	60	55	Khu vực đặc biệt

#### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

##### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Hạn chế sử dụng còi xe và quy định tốc độ xe lưu thông trong Trung tâm.
- Quy định giờ hoạt động của các phương tiện vận tải trong Trung tâm.



- Trồng cây xanh tạo vành đai cây xanh xung quanh khuôn viên Trung tâm.
- Lắp đặt đệm chống rung tại máy phát điện nhằm giảm rung động cũng như tiếng ồn có thể phát sinh.
- Kiểm tra độ mòn của chi tiết định kì và thường kì cho dầu bôi trơn hoặc thay thế những chi tiết hư hỏng.
- Bố trí hệ thống thông gió có kết hợp các thiết bị tiêu âm phù hợp sử dụng trong hệ thống thông gió, để giảm thiểu âm thanh phát ra từ các máy móc, thiết bị và giảm được ảnh hưởng từ tiếng ồn, độ rung từ các hoạt động bên ngoài.
- Định kỳ tiến hành hiệu chuẩn các máy móc, thiết bị của Trung tâm.
- Quy định thời gian thăm bệnh cũng như các quy tắc thăm bệnh trong các phòng chuyên khoa của Trung tâm. Phổ biến quy định thăm bệnh của Trung tâm đến bệnh nhân và thân nhân.
- Thường xuyên dọn dẹp, chặt cây bụi, vệ sinh sạch sẽ khu vực xử lý nước thải tập trung của Trung tâm.
- Tại khu vực hệ thống xử lý nước thải, các máy bơm được lắp đặt ngầm và thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị để hạn chế tiếng ồn phát sinh.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- 2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- 2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn và độ rung.

**Phụ lục 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 47 /GPMT-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

Trong quá trình hoạt động cơ sở phát sinh các loại chất thải nguy hại sau:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã số CTNH	Tính chất nguy hại	Khối lượng (kg/năm)
1.	<i>Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)</i>	Rắn	13 01 01	LN	4.000
2.	<i>Chất thải không lây nhiễm</i>				
2.1.	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	Đ, ĐS	28
2.2.	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	Đ, ĐS, AM	06
2.3	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	16 01 09	Đ, ĐS, C	10
2.4	Dung dịch thải thuốc hiện ảnh và tráng phim gốc nước	Lỏng	19 01 01	Đ, ĐS, AM	60
2.5	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)	Rắn/lỏng	13 03 02	Đ, ĐS	10
2.6	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	13 01 02	Đ, ĐS	100
2.7	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	Rắn/lỏng	13 01 03	Đ	10
	<b>Tổng cộng:</b>				<b>4.224</b>

## 1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường phát sinh:

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường phát sinh tại cơ sở được thống kê như sau:

Stt	Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái (thể) tồn tại thông thường	Khối lượng (Kg/năm)
<b>A</b>	<b>CTR thông thường sử dụng để tái chế</b>			<b>18.300</b>
<b>I</b>	<b>Chất thải là vật liệu giấy</b>			
1	Giấy, báo, bì, thùng các-tông, vỏ hộp thuốc và các vật liệu giấy	18 01 05	Rắn	1.000
<b>II</b>	<b>Chất thải là vật liệu nhựa</b>			
1	Các chai nhựa đựng thuốc, hóa chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	18 01 06	Rắn	500
2	Các chai nước giải khát bằng nhựa và các sản phẩm bằng nhựa khác sử dụng trong hoạt động sinh hoạt thường ngày	18 01 06	Rắn	800
3	Các chai dịch truyền nhựa, dây truyền dịch, bơm tiêm nhựa (không bao gồm đầu sắc nhọn), vật liệu nhựa khác	18 01 11	Rắn	1.000
<b>III</b>	<b>Chất thải là vật liệu kim loại</b>			
1	Các chai, lon nước giải khát và các vật liệu kim loại khác sử dụng trong hoạt động sinh hoạt thường ngày	18 01 08	Rắn	15.000
<b>B</b>	<b>CTR thông thường không sử dụng để tái chế</b>			<b>42.500</b>
1	Chất thải sinh hoạt phát sinh từ các khoa, phòng, các buồng bệnh không cách ly không có khả năng tái chế	-	-	42.500
2	Chất thải thực phẩm		Rắn	1.825
3	Dầu ăn đã qua sử dụng	12 06 11	Lỏng	50
<b>Tổng cộng</b>				<b>62.575</b>

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

### 2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích khoảng 23m<sup>2</sup>.
- Bố trí 08 thùng chứa chất thải nguy hại trong đó: 07 thùng HPDE màu đen (thể tích 120 lít/thùng) có dán nhãn phân biệt, mã cảnh báo để thu gom chất thải nguy hại không lây nhiễm và 02 thùng HPDE màu vàng (thể tích 120

lít/thùng) có dán nhãn phân biệt, mã cảnh báo để thu gom chất thải nguy hại lây nhiễm

## **2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường**

CTR thông thường sử dụng để tái chế và chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế được gom riêng.

+ CTR thông thường sử dụng để tái chế: bố trí 50 thùng bằng nhựa HPDE, dung tích 20 lít/thùng và thùng có lót túi màu trắng, nắp đậy kín và dán nhãn phân biệt tại các phòng điều trị, dọc hành lang các khoa.

+ CTR thông thường không sử dụng để tái chế: bố trí 40 thùng bằng nhựa HPDE, dung tích 20lít/thùng, nắp đậy kín và dán nhãn phân biệt dọc hành lang cuối các khoa.

+ Chất thải sắc nhọn đựng trong dụng cụ kháng trùng.

+ Đối với thức ăn thừa: Cơ sở bố trí khoảng 10 xô nhựa màu xanh đựng thức ăn thừa dung tích 6 lít tại cuối hành lang mỗi khoa và khu vực căn tin. Hàng ngày, hộ lý và nhân viên căn tin thu gom lượng thức ăn thừa này.

+ Đối với dầu ăn đã qua sử dụng: dầu này sẽ được thu gom trong ngày, lưu chứa tại 01 thùng nhựa (thể tích 10 lít/thùng) có nắp đậy, thu gom và vận chuyển đến khu vực lưu giữ CTR thông thường ở góc phía Bắc của Trung tâm và xử lý cùng CTR thông thường không sử dụng để tái chế.

- Bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 35m<sup>2</sup>, có kết cấu mái che bằng tôn, sàn bằng bê tông chống thấm. Tại khu vực lưu giữ, Trung tâm bố trí 02 xuống thể tích 10m<sup>3</sup>/xuống để lưu chứa CTR thông thường sử dụng để tái chế và không sử dụng để tái chế.

Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải thực hiện thu gom, tiến hành lấy mẫu để phân tích và so sánh với QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước; trường hợp, hàm lượng các chất ô nhiễm nằm trong ngưỡng quy định sẽ được chuyển giao và xử lý theo dạng chất thải rắn thông thường. Trường hợp bùn thải không đạt quy chuẩn sẽ được quản lý và chuyển giao cơ quan có chức năng thu gom và xử lý theo quy định

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Sự cố từ việc hư hỏng thiết bị y tế, thiết bị cấp cứu**

Thường xuyên bảo trì thiết bị và thay thế mới nếu thiết bị cũ có vấn đề hoặc hết hạn sử dụng.

### **2. Sự cố môi trường do chất thải y tế**

- Xây dựng, ban hành các hướng dẫn về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế;

- + Rà soát, nghiên cứu đề xuất xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản, hướng dẫn liên quan đến phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế;
- + Xây dựng hướng dẫn về lập kế hoạch PN&UPSCMT do chất thải y tế;
- + Xây dựng quy trình ứng phó sự cố môi trường cho các loại sự cố chất thải y tế tại Cơ sở;
- + Xây dựng các kịch bản và thực hành diễn tập về quy trình ứng phó sự cố cho các loại sự cố môi trường tại Cơ sở;
- + Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật xử lý môi trường sau sự cố cho một số loại sự cố môi trường điển hình do chất thải y tế;
- + Xây dựng hệ thống quản lý phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế;
  - Đảm bảo lực lượng, phương tiện, trang thiết bị sẵn sàng ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế:
    - + Thành lập Ban chỉ huy PN&UPSC và Đội UPSCMT tại Cơ sở;
    - + Chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác PN&UPSC do chất thải y tế.

### **3. Sự cố cháy nổ**

- Phối hợp với các cơ quan hữu quan để tập huấn công tác PCCC cho toàn bộ nhân viên của cơ sở, đảm bảo tất cả mọi người đều có thể thực hiện việc PCCC ngay khi có sự cố xảy ra.
- Xây dựng các phương án, nội quy an toàn PCCC và phổ biến đến tất cả bệnh nhân, người thăm bệnh, cán bộ công viên.

### **4. Sự cố do thiên tai**

- Thành lập đội phòng chống bão lụt, đội ứng cứu, cứu hộ tại chỗ, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phòng chống, ứng cứu khi có sự cố bão lụt xảy ra.
- Tổ chức diễn tập, xây dựng phương án phòng chống bão lũ.
- Hướng dẫn sơ tán nhanh chóng, an toàn ra khỏi vùng nguy hiểm khi có thiên tai (bão lụt,...) xảy ra.

### **5. Sự cố rò rỉ tia bức xạ**

- Phòng chiếu chụp X-Quang xây dựng đảm bảo kích thước theo tiêu chuẩn;
- Kiểm tra độ an toàn về tia xạ theo quy định của “Pháp lệnh An toàn và Kiểm soát bức xạ” do Nhà nước ban hành trước khi sử dụng;
- Trang bị liều kế cá nhân và theo dõi, khám sức khỏe định kỳ cho nhân viên;
- Xây dựng quy trình và nội quy làm việc với bức xạ và giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện.

### **6. Sự cố tại hệ thống thu gom, xử lý nước thải**

- Lắp đặt hệ thống điều khiển hoàn toàn tự động, có thể hoạt động liên tục 24/24 giờ, bền bỉ và ổn định trong thời gian dài;
- Các hệ thống thiết bị chính trong hệ thống xử lý nước thải được thiết kế theo tiêu chuẩn 1 + 1, gồm 2 thiết bị, được cài đặt chế độ điều khiển tự động

chạy song song hoặc thay đổi chạy luân phiên (6 giờ/lượt), nhằm kéo dài tuổi thọ các thiết bị.

- Các vật tư, linh kiện, thiết bị chế tạo hệ thống được lựa chọn, đặt sản xuất với tiêu chuẩn chất lượng cao, phổ biến, dễ thay thế, sửa chữa nhanh trong 1-2 ngày. Kỹ thuật viên có thể thực hiện kiểm tra, bảo trì, sửa chữa, thay thế ngay cả khi không cần tắt điện toàn bộ hệ thống;

- Hệ thống xử lý nước thải được cài đặt chế độ tự động điều chỉnh khi lưu lượng nước thải đạt Max/ Min nhằm tiết kiệm điện năng, chi phí vận hành, giảm thiểu phát sinh mùi hôi, vi khuẩn và ổn định chất lượng nước thải đầu ra;

- Công suất thiết kế đáp ứng xử lý lượng nước thải phát sinh tối đa trong ngày và phù hợp quy mô phát triển của cả Dự án;

- Hệ thống bể điều hoà, bể phốt, bể gom, đường ống thu gom và các hố ga được thiết kế đảm bảo lưu chứa được 150 -200% lượng nước thải phát sinh trong ngày phòng trường hợp hệ thống phải dừng hoạt động hoàn toàn để kiểm tra, thay thế thiết bị;

- Bố trí hố kiểm tra ngay trước vị trí xả thải ra bên ngoài để kiểm tra, giám sát phát hiện kịp thời nước thải sau khi xử lý chưa đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường.

- Thực hiện tốt công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị, đảm bảo máy móc thiết bị hoạt động liên tục;

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi các hiện tượng nứt vỡ, rò rỉ hệ thống đường ống dẫn nước thải để kịp thời phát hiện sự cố và có biện pháp xử lý thích hợp, tránh gây ô nhiễm môi trường đất và nước dưới đất xung quanh;

- Lập sổ nhật ký vận hành để theo dõi hoạt động của hệ thống và những bất thường của hệ thống trong quá trình hoạt động;

- Đóng khóa van xả sự cố của hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải sẽ được lưu chứa ở bể điều hoà, bể phốt, bể gom, đường ống thu gom và các hố ga và bơm về hệ thống để xử lý khi hoàn tất công tác khắc phục.

## **7. Sự cố về vệ sinh an toàn thực phẩm và dịch bệnh**

- Thực hiện tốt vệ sinh an toàn thực phẩm: yêu cầu khu vực căn tin bảo quản, chế biến thức ăn hợp vệ sinh.

- Cập nhật các thông tin về các dịch bệnh, bệnh truyền nhiễm có thể lan truyền phát sinh trên địa bàn khu vực để có biện pháp phòng ngừa hiệu quả,...

- Thực hiện vệ sinh môi trường: thu gom xử lý rác thải hàng ngày tránh sự phát sinh của ruồi muỗi,...

**Phụ lục 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 47 /GPMT-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh)*

1. Trung tâm Y tế huyện Phú Vang chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.